

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~166~~/2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày ~~29~~ tháng ~~10~~ năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ, mức chi ngân sách nhà nước, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2024-2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 462/TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn bản số 287/HĐND-KTNS ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc áp dụng trình tự, thủ

tục rút gọn đối với việc xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật; Báo cáo thẩm tra số 494/BC-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ, mức chi ngân sách nhà nước, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2024-2025.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 5 như sau:

“d) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Quyết định thành lập (được chứng thực hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu)”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 5 như sau:

“e) Bản sao Giấy chứng nhận (được chứng thực hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu) hoặc cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6

“1. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

a) Bước 1: thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc sở, ban, ngành theo ủy quyền (đối với liên kết cấp tỉnh) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với liên kết cấp xã) thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

b) Bước 2: lập hồ sơ đề nghị thực hiện dự án, kế hoạch liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng hồ sơ đề nghị thực hiện dự án, kế hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

c) Bước 3: nộp hồ sơ

- Đối với liên kết cấp tỉnh (dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn từ 02 xã, phường trở lên hoặc dự án, kế hoạch liên kết do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được bố trí vốn): đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc cổng Dịch vụ công Quốc gia) đề nghị thẩm định, phê duyệt.

- Đối với liên kết cấp xã (dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn 01 xã, phường): đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Công Dịch vụ công quốc gia) đề nghị thẩm định, phê duyệt.

d) Bước 4: thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì dự án tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng.

+ Thành phần Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp tỉnh bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành chủ trì dự án cấp tỉnh theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn cấp tỉnh và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

+ Thành phần Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết cấp xã bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc lãnh đạo Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; các thành viên là đại diện phòng liên quan cấp xã hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng tổ chức thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi Ủy ban nhân dân cùng cấp. Nội dung thẩm định phải làm rõ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có). Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với liên kết cấp tỉnh), Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với liên kết cấp xã) phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì liên kết được biết.

đ) Bước 5: phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

- Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết (đối với liên kết cấp tỉnh); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết (đối với liên kết cấp xã).

- Trường hợp dự án, kế hoạch không đủ điều kiện phê duyệt theo quy

định, Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc sở, ban, ngành trực thuộc trong trường hợp được ủy quyền), Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do cho đơn vị chủ trì liên kết được biết.

e) Bước 6: trả kết quả

Đến hẹn, đơn vị chủ trì liên kết mang phiếu hẹn đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đối với liên kết cấp tỉnh) hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để nhận kết quả (trường hợp đề nghị nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan cung cấp dịch vụ bưu chính)”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10

“1. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng

a) Bước 1: thông báo kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Bước 2: xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ

Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết này.

c) Bước 3: nộp hồ sơ

Cộng đồng dân cư gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất.

d) Bước 4: thẩm định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho tổ thẩm định. Thành phần tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Lãnh đạo Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; các thành viên là đại diện bộ phận chuyên môn có chức năng quản lý về tài chính, kế hoạch và đầu tư và đại diện cơ quan chuyên môn, thành phần liên quan khác trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do

cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết).

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, tổ thẩm định tổ chức thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); sự cần thiết thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (nếu có). Trường hợp không đủ điều kiện trình phê duyệt, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do cho cộng đồng dân cư được biết.

đ) Bước 5: phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ

- Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được văn bản thẩm định của tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề nghị.

- Trường hợp dự án, phương án không đủ điều kiện phê duyệt theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho cộng đồng dân cư được biết.

e) Bước 6: trả kết quả

Đến hẹn, đại diện Cộng đồng dân cư mang phiếu hẹn đến Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để nhận kết quả (trường hợp đề nghị nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan cung cấp dịch vụ bưu chính)".

Điều 4. Bãi bỏ một số cụm từ tại mẫu hồ sơ ban hành kèm theo Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Bãi bỏ các cụm từ: “Ủy ban nhân dân (cấp huyện)”, “CMTND” tại mẫu số 01; “(thị trấn)”, “huyện (TP, TX)”, “CMTND” tại mẫu số 02 và “CMND” tại mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 10 năm 2025.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án, phương án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc, cơ quan tiếp nhận nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm CB-TH, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ, TH.



CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh